

Họ tên học sinh : Lớp: Số báo danh :

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng lúa lớn nhất?

- A. Phú Yên. B. Quảng Ngãi. C. Bình Định. D. Quảng Nam.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Vinh có ngành nào sau đây?

- A. Dệt, may. B. Điện tử. C. Đóng tàu. D. Cơ khí.

Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 nối Lào Bảo với

- A. Đồng Hới. B. Hà Tĩnh. C. Huế. D. Đông Hà.

Câu 4: Giải pháp nào sau đây là định hướng phát triển kinh tế của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Phát triển công nghiệp dầu khí. B. Thu hút nhập cư từ các vùng khác.
C. Tiếp tục giảm tỉ trọng khu vực I. D. Mở rộng diện tích đất nông nghiệp.

Câu 5: Yếu tố nào sau đây của Trung du và miền núi Bắc Bộ không thuận lợi cho việc phát triển chăn nuôi lợn?

- A. Giống vật nuôi năng suất thấp. B. Diện tích cây hoa màu lớn.
C. Lao động có kinh nghiệm. D. Nguồn lương thực đảm bảo.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia nào sau đây của nước ta nằm trên đảo?

- A. U Minh Hạ. B. Phú Quốc. C. U Minh Thượng. D. Tràm Chim.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết tuyến đường biển nào sau đây dài nhất?

- A. Đà Nẵng - Hoàng Sa. B. Đà Nẵng - Cửa Lò.
C. Đà Nẵng - Hải Phòng. D. Đà Nẵng - Quy Nhơn.

Câu 8: Tỉnh nào sau đây của Trung du và miền núi Bắc Bộ có điều kiện phát triển kinh tế biển?

- A. Cao Bằng. B. Hà Giang. C. Bắc Kạn. D. Quảng Ninh.

Câu 9: Đặc điểm nào sau đây **không** phải là thế mạnh về mặt chất lượng của nguồn lao động nước ta?

- A. Chất lượng nguồn lao động ngày càng tăng.
B. Lao động tập trung đông đúc ở nông thôn.
C. Lao động tiếp thu nhanh khoa học kĩ thuật
D. Lao động có nhiều kinh nghiệm sản xuất.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác thấp nhất?

- A. Sóc Trăng. B. Trà Vinh. C. Bạc Liêu. D. Bến Tre.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, khu kinh tế ven biển Định An thuộc vùng

- A. Đông Nam Bộ. B. Bắc Trung bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 12: Tỉ trọng lao động ở khu vực nào sau đây có xu hướng tăng trong cơ cấu sử dụng lao động của nước ta phân theo ngành kinh tế?

- A. Nhà nước. B. Nông nghiệp. C. Ngư nghiệp. D. Dịch vụ.

Câu 13: Nhân tố tự nhiên nào sau đây tạo thuận lợi để nước ta nuôi trồng thủy sản nước lợ?

- A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. B. Nhiều bãi triều, đầm phá, cửa sông.
C. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. D. Biển nhiệt đới có nhiều ngư trường.

Câu 14: Biểu hiện rõ nhất của nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta là

- A. nhà nông quan tâm đến thị trường. B. chỉ phân bố tập trung ở miền núi.
C. qui mô sản xuất lớn, trình độ thấp. D. nông sản đáp ứng nhu cầu tại chỗ.

Câu 15: Nhân tố nào sau đây của Đồng bằng sông Hồng có ý nghĩa quyết định trong việc phát triển kinh tế?

- A. Thị trường tiêu thụ rộng lớn. B. Có nhiều khu công nghiệp.
C. Nguồn nhân lực trình độ cao. D. Cơ sở hạ tầng rất hiện đại.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, thành phố Đồng Hới thuộc tỉnh

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An C. Quảng Trị. D. Quảng Bình

Câu 17: Đường quốc lộ số 8 thuận lợi nhất cho giao lưu giữa vùng Bắc Trung Bộ với

- A. Nam Trung Bộ. B. Tây Nguyên. C. Lào. D. Trung Quốc.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành hóa chất, phân bón?

- A. Huế. B. Quảng Ngãi. C. Quy Nhơn. D. Đà Nẵng.

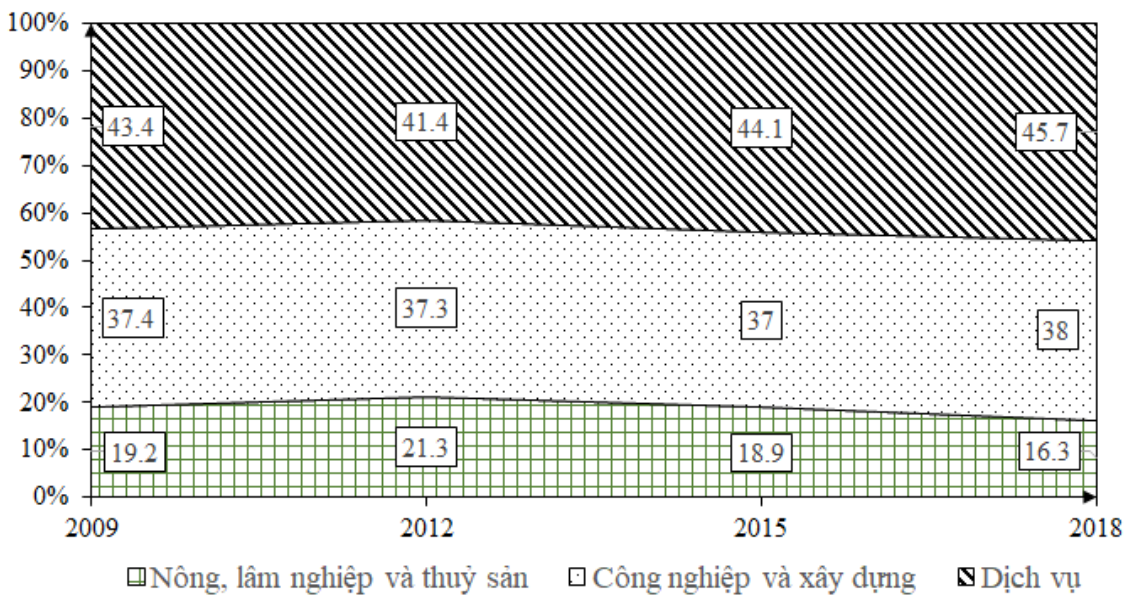
Câu 19: Rau ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu được trồng ở

- A. Mộc Châu. B. Than Uyên. C. Sa Pa. D. Mường Thanh.

Câu 20: Vấn đề phát triển thủy điện ở Tây Nguyên **không** nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Tiêu nước cho mùa mưa. B. Phát triển du lịch, thủy sản.
C. Dự trữ nước cho mùa khô. D. Cung cấp điện cho sản xuất.

Câu 21: Cho biểu đồ về GDP của nước ta



(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2020)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của nước ta, giai đoạn 2009 - 2018.
B. Quy mô và cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của nước ta, giai đoạn 2009 - 2018.
C. Quy mô GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2009 - 2018.
D. Quy mô GDP phân theo ngành kinh tế của nước ta, giai đoạn 2009 - 2018.

Câu 22: Hoạt động đánh bắt thủy sản của Duyên hải Nam Trung Bộ dựa trên thế mạnh chủ yếu nào sau đây?

- A. Nhiều ngư trường lớn. B. Có nhiều đảo, quần đảo.
C. Có số giờ nắng nhiều. D. Có nhiều vịnh.

Câu 23: Tây Nguyên hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm quy mô lớn là nhờ đất badan

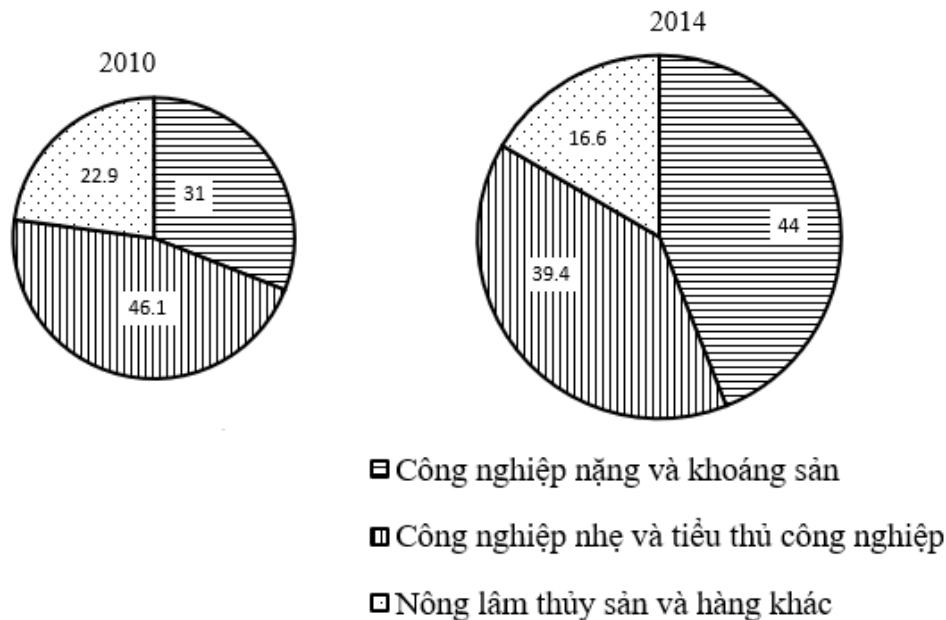
- A. tầng phong hóa sâu, rất dễ thoát nước. B. phân bố thành những mặt bằng rộng lớn.
C. phân bố ở các cao nguyên trên 1000 m. D. tơi xốp, giàu dinh dưỡng, tầng đất dày.

Câu 24: Để nâng cao hiệu quả sản xuất công nghiệp ở Đông Nam Bộ thì cần

- A. tập trung phát triển giao thông đường biển.
- B. phát triển thêm nhiều ngành công nghiệp nặng.
- C. phát triển nông nghiệp để cung cấp nguyên liệu.
- D. giải quyết vấn đề năng lượng, cơ sở hạ tầng khác.

Câu 25: Cho biểu đồ:

Cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa của nước ta (%)



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016)

Căn cứ vào biểu đồ trên, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa của nước ta năm 2010 và năm 2014?

- A. Tỷ trọng giá trị hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng.
- B. Tỷ trọng giá trị hàng công nghiệp nặng và khoáng sản giảm.
- C. Tỷ trọng giá trị hàng nông, lâm, thủy sản và hàng khác tăng.
- D. Tỷ trọng giá trị hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng.

Câu 26: Duyên hải Nam Trung Bộ thuận lợi trong việc xây dựng nhiều cảng biển là do có

- A. thời tiết khá ổn định.
- B. các quần đảo xa bờ.
- C. thềm lục địa sâu và rộng.
- D. nhiều vịnh sâu, kín gió.

Câu 27: Trong thời gian gần đây, cây công nghiệp lâu năm của nước ta phát triển mạnh, chủ yếu là do

- A. thị trường tiêu thụ mở rộng.
- B. điều kiện tự nhiên thuận lợi.
- C. cơ sở chế biến được đầu tư.
- D. có nguồn lao động dồi dào.

Câu 28: Loại rừng nào sau đây chiếm phần lớn diện tích rừng của Bắc Trung Bộ?

- A. Rừng đặc dụng.
- B. Rừng trồng.
- C. Rừng thông.
- D. Rừng phòng hộ.

Câu 29: Cho bảng số liệu:

Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm Thành phần	1996	2005	2010	2014
kinh tế				
Nhà nước	74,2	249,1	567,1	1080,8
Ngoài Nhà nước	35,7	308,9	1150,9	1987,5
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	39,6	433,1	1245,5	2936,2

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tình hình sản xuất công nghiệp nước ta ở giai đoạn trên?

- A. Giá trị của thành phần kinh tế Nhà nước tăng chậm nhất.
- B. Giá trị của thành phần Có vốn đầu tư nước ngoài tăng chậm nhất.
- C. Giá trị của thành phần Ngoài Nhà nước ngoài tăng chậm nhất.
- D. Giá trị của thành phần kinh tế Nhà nước tăng nhanh nhất.

Câu 30: Việc đẩy mạnh công nghiệp chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Tây Nguyên nhằm mục đích chủ yếu là

- A. nâng cao hiệu quả kinh tế cây công nghiệp.
- B. hạn chế tình trạng đốt rừng làm nương rẫy.
- C. mở rộng diện tích các loại cây công nghiệp.
- D. giảm thiểu rủi ro do biến động của thị trường.

----- HẾT -----

Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam của Nhà xuất bản Giáo dục phát hành.